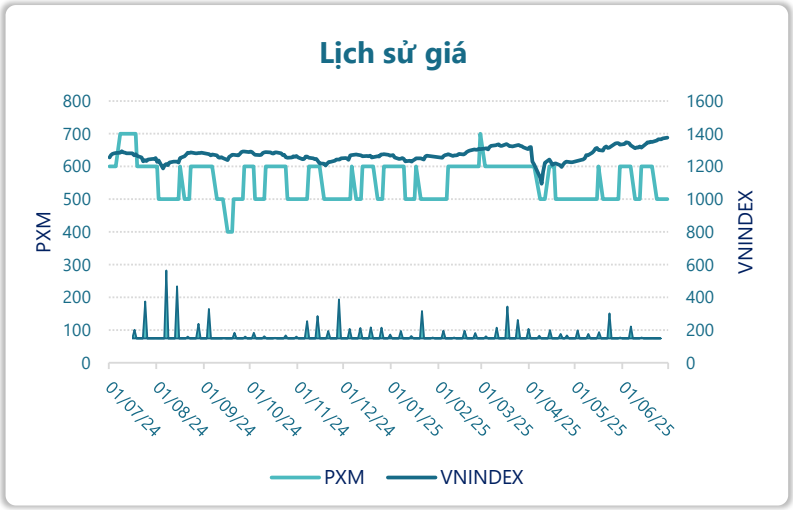
FireAnt

CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (UPCOM: PXM)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	400
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,060
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8
P/E	-0.4
EPS	-1,236

DT thuần

Q2/25

0.02

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.14| -89.5%

YoY: ▼0.09| -84.7%

LN sau thuế

Q2/25

-4.99

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.13| -2.7%

YoY: ▼0.22| -4.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-2313%

+/- YoY: ▼ 2147%

DT thuần

6T 2025

0.18

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.10| -37.0%

LN sau thuế

6T 2025

-9.85

tỷ VNĐ

YoY: ▼0.24| -2.5%

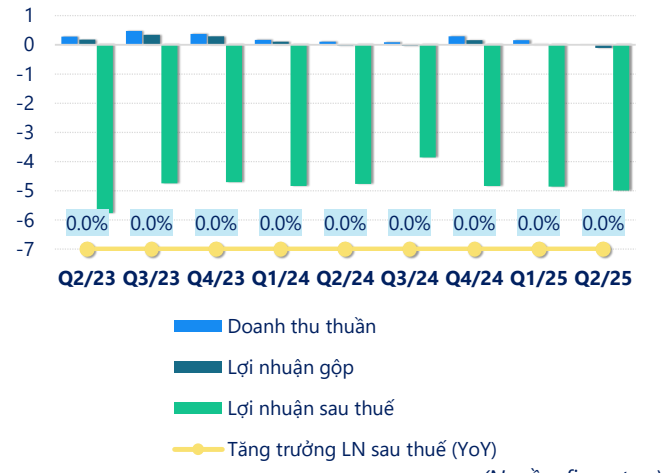
ROE

Q2/25

3.8%

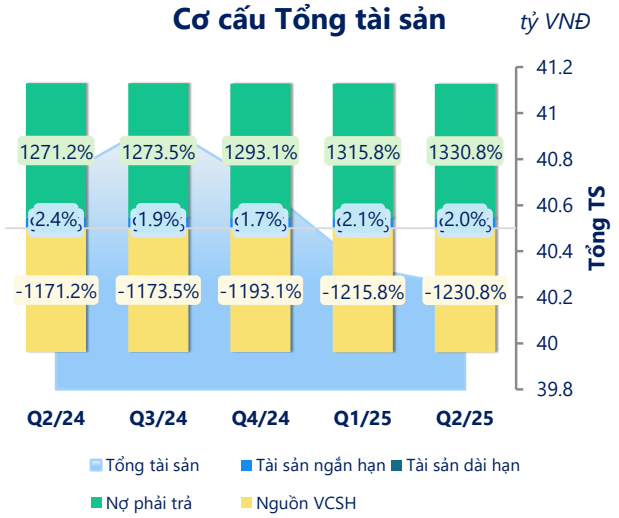
+/- YoY: ▼ 0.3%

Kết quả kinh doanh



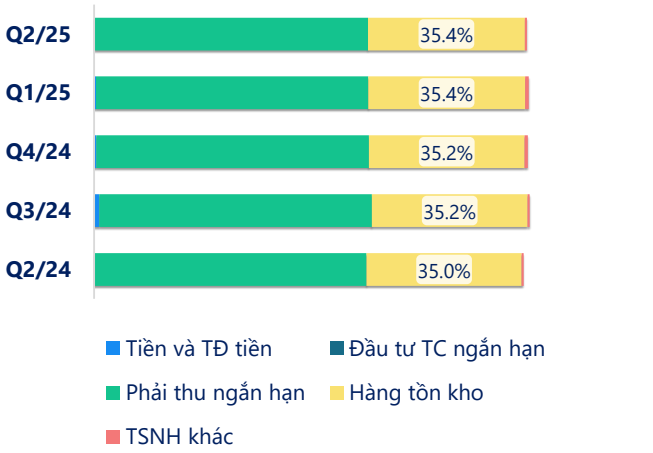
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



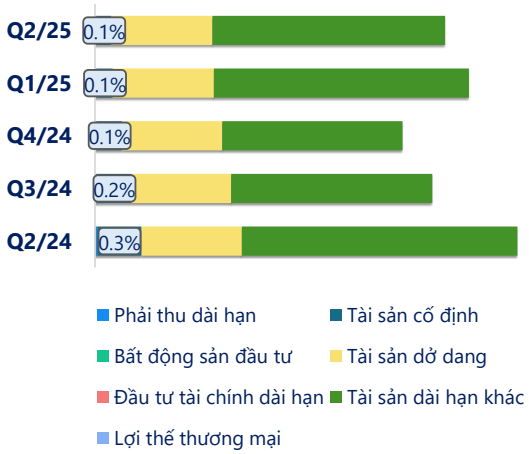
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



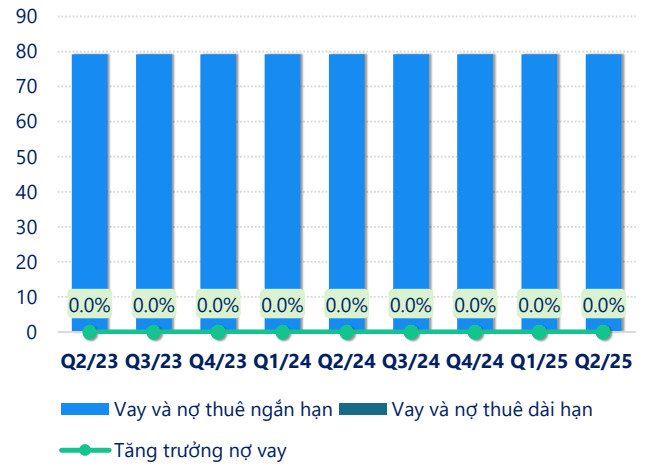
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



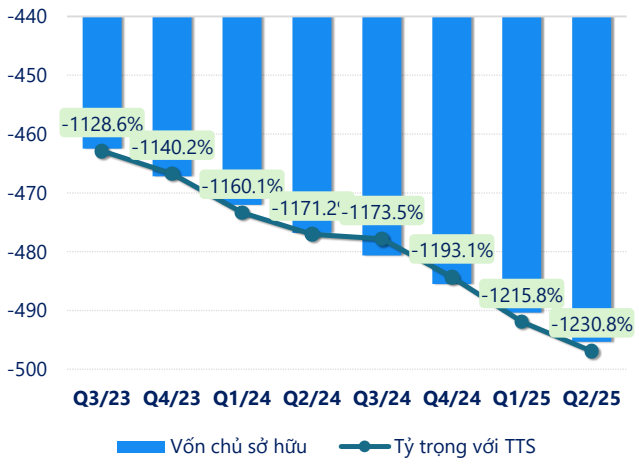
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



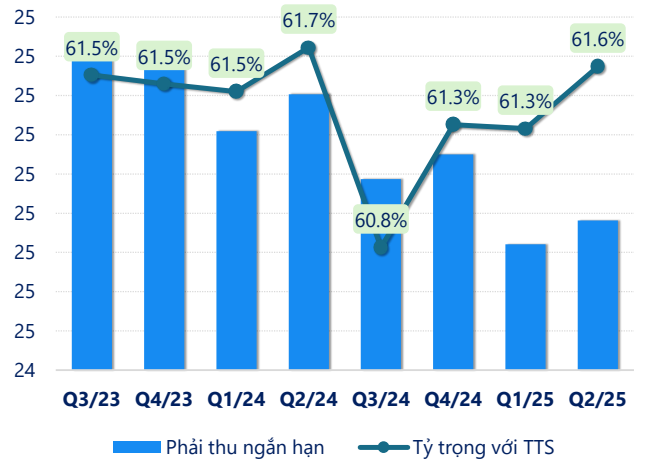
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



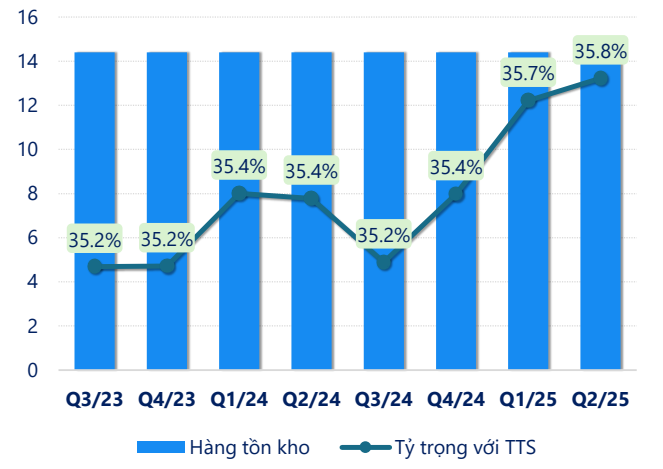
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



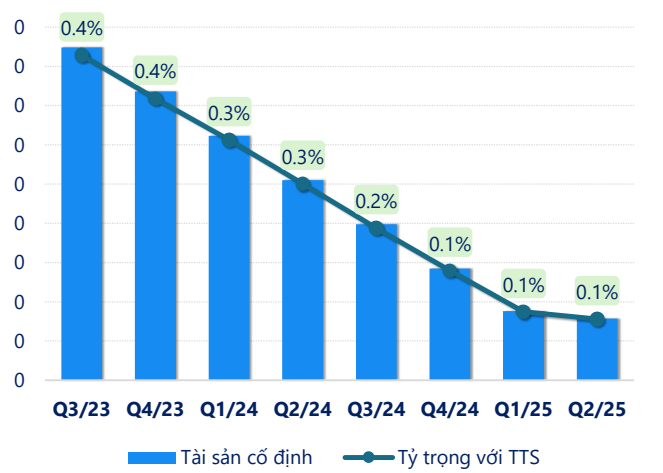
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



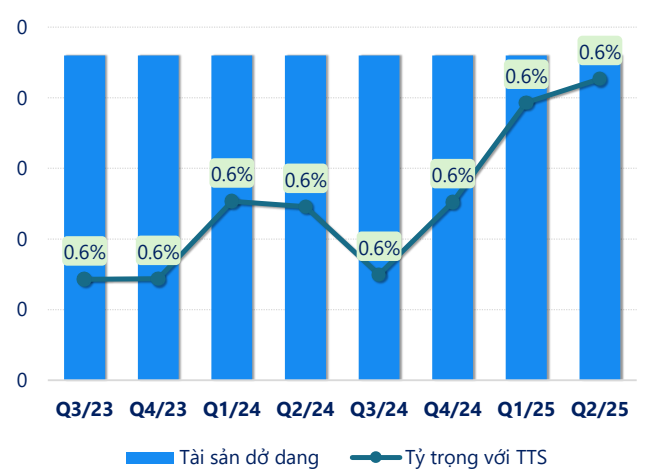
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



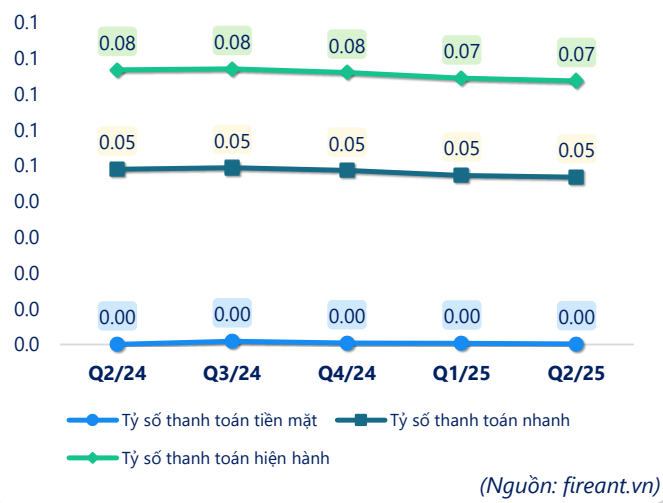
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



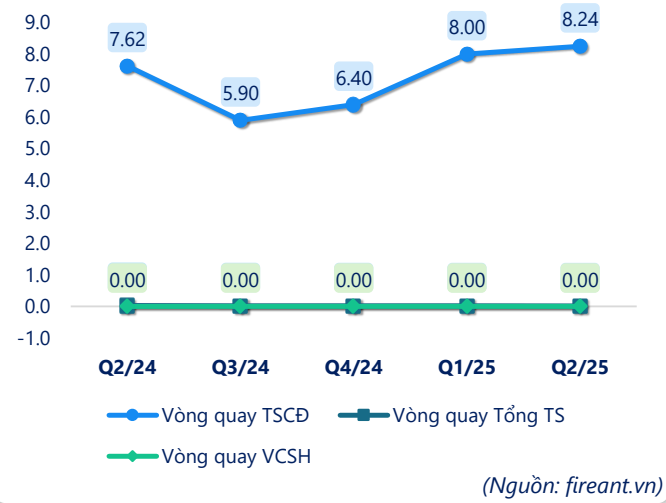
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**40.7**	**41.0**	**40.7**	**40.3**	**40.2**
Tài sản ngắn hạn	**39.7**	**40.2**	**40.0**	**39.5**	**39.5**
Tiền và tương đương tiền	0.02	0.47	0.21	0.16	0.07
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	25.1	24.9	24.9	24.7	24.8
Hàng tồn kho	14.4	14.4	14.4	14.4	14.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.42	0.42	0.19	0.20
Tài sản dài hạn	**0.97**	**0.78**	**0.71**	**0.85**	**0.79**
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	0.10	0.08	0.06	0.04	0.03
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.23	0.23	0.23
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.63	0.47	0.41	0.58	0.53
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**518**	**522**	**526**	**531**	**536**
Nợ ngắn hạn	**518**	**522**	**526**	**531**	**536**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	79.2	79.2	79.2	79.2	79.2
Phải trả người bán ngắn hạn	125	125	125	125	125
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**-477**	**-481**	**-486**	**-490**	**-495**
Vốn chủ sở hữu	**-477**	**-481**	**-486**	**-490**	**-495**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)